

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THỊ XÃ BUÔN HỒ** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 7 - 2022

Kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Nhất

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Thức  
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia phiên tòa

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2022/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022, về việc: “Kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 117 đường H, tổ dân phố A, phường B, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Có đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 117 đường H, tổ dân phố A, phường B, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tình yêu tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, anh H và chị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Anh H và chị T sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng chị T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng từ đó dẫn đến hai người thường xuyên xích mích cãi vã nhau nên sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được và hai người đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nhằm giải phóng cho nhau, nên anh H đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh H với chị T là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh H và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1998 và Nguyễn Ngọc Nam N, sinh năm 2006. Do cháu T đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu N, anh H đồng ý giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2022, anh H có yêu cầu chia tài sản chung, nhưng nay anh H xin rút yêu cầu chia sản không yêu cầu Tòa án giải quyết để hai bên thỏa thuận với nhau.

*\* Quá trình tham gia tố tụng bị đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Hai người chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng anh H nghi ngờ lòng chung thủy của chị T, anh H không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, dẫn đến hai người thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được và hai người đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị T với anh H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Chị T đồng ý với lời trình bày của anh H và không trình bày gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Kiện không công nhận là vợ chồng”, việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Anh H và chị T chung sống với nhau từ năm 1997, trong cuộc sống hai bên thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không có cùng quan điểm sống, mâu thuẫn với nhau. Hiện nay, anh chị cũng

không còn chung sống với nhau. Xét thấy, anh chị không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người như hai bên thừa nhận. Tuy nhiên, anh H và chị T chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, đây không phải là hôn nhân hợp pháp, căn cứ vào các Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình nên không giải quyết cho anh chị theo thủ tục ly hôn được mà cần tuyên bố không công nhận anh H và chị T là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn Ngọc Nam N, sinh năm 2006 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu đồng). Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung mà anh H đã rút.

[6] Về án phí: Cần buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công H.

Tuyên bố anh Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thị Kim T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn Ngọc Nam N, sinh năm 2006 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu đồng). Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu

lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của anh H đã rút về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: Anh Nguyễn Công H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng được khấu trừ vào 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số: AA/2021/0018097, ngày 20 tháng 6 năm 2022. Trả lại cho anh H số tiền còn lại là 11.700.000 (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng) tại biên lai nói trên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

(Đã ký)

**Nguyễn Bá Nhất**